

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/DS-ST

Ngày: 10/9/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Tp. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Trần Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2019/QĐST-DS ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ: Đường N, phường A, quận F, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số 4025/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018). Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn P – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số 291/2019/GUQ-CNDL ngày 18/6/2019). Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Cao Thanh P1 – Sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:***

Ngày 01/6/2015 ông Cao Thanh P1 có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông P1 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn cấp tín dụng là 03 năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân, các khoản phí, lãi suất và phương thức thanh toán được thực hiện theo quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 05/7/2015 ông P1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 182.852.569 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông P1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 175.434.882 đồng bao gồm cả lãi và một phần gốc. Bắt đầu từ tháng 8/2018 đến nay ông Cao Thanh P1 không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện nhưng ông P1 vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông P1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 05/4/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Tính đến ngày 10/9/2019, ông Cao Thanh P1 còn nợ Ngân hàng TMCP S các khoản sau: nợ gốc: 45.345.916 đồng, nợ lãi quá hạn: 25.494.681 đồng. Tổng cộng: 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng).

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Cao Thanh P1 phải trả cho ngân hàng khoản nợ gốc: 45.345.916 đồng, nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 10/9/2019): 25.494.681 đồng. Tổng cộng: 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng). Đồng thời buộc ông Cao Thanh P1 phải tiếp tục thanh toán các khoản phí và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/9/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức phí, lãi suất mà ông P1 đã thỏa thuận với ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Cao Thanh P1 đều vắng mặt không có lý do.

*** *Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

- Về phần thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/6/2019. Ngày 05/8/2019, Tòa án ban hành Quyết định xét xử vụ án là đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có căn cứ. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Cao Thanh P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 45.345.916 đồng, nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 10/9/2019): 25.494.681 đồng. Đồng thời buộc ông Cao Thanh P1 phải tiếp tục thanh toán các khoản phí và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/9/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức phí, lãi suất mà ông P1 đã thỏa thuận với ngân hàng.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Cao Thanh P1 vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Cao Thanh P1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/6/2015, ông Cao Thanh P1 ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Cao Thanh P1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 182.852.569 đồng, ông P1 đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 175.434.882 đồng bao gồm cả lãi và một phần gốc. Bắt đầu từ tháng 8/2018 đến nay ông Cao Thanh P1 không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 10/9/2019 ông Cao Thanh P1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc: 45.345.916 đồng, nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 10/9/2019): 25.494.681 đồng.

Do ông P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc ông Cao Thanh P1 phải trả khoản nợ trên đồng thời buộc ông Cao Thanh P1 phải tiếp tục thanh toán các khoản phí và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/9/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức phí, lãi suất mà ông P1 đã thỏa thuận với ngân hàng là có cơ sở, cần chấp nhận.

Buộc ông Cao Thanh P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 45.345.916 đồng và nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 10/9/2019) là 25.494.681 đồng. Tổng cộng cả hai khoản là 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng). Ông Cao Thanh P1 phải tiếp tục thanh toán các khoản phí và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/9/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức phí, lãi suất mà ông P1 đã thỏa thuận với ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Thanh P1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ở mức: $(70.840.597 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.542.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Áp dụng khoản 1 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Cao Thanh P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 45.345.916 đồng và nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 10/9/2019) là 25.494.681 đồng. Tổng cộng cả hai khoản là 70.840.597 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi một đồng).

Ông Cao Thanh P1 phải tiếp tục thanh toán các khoản phí và lãi suất phát sinh tính từ ngày 10/9/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức phí, lãi suất mà ông P1 đã thỏa thuận với ngân hàng.

Về án phí: Ông Cao Thanh P1 phải nộp 3.542.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 1.615.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001669 ngày 04/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang